

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành bộ sản phẩm bảo hiểm tự nguyện Xe ô tô

**TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BIDV**

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 001/QĐ-HĐQT ngày 01/10/2010 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 018/QĐ-HĐQT ngày 01/10/2010 của Hội đồng Quản trị về việc ban hành chức năng nhiệm vụ chính của các Ban, Trung tâm tại Trụ sở chính Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV;

Căn cứ Quyết định số 2353/QĐ-KHCL ngày 12/10/2010 của Tổng Giám đốc phân công trong Ban Tổng Giám đốc và ủy quyền điều hành cho các Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV;

Căn cứ văn bản số 14559/BTC-QLBH ngày 22/11/2018 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận đăng ký sản phẩm bảo hiểm vật chất xe ô tô.

Đề đáp ứng yêu cầu của hoạt động kinh doanh;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Phi Hàng hải;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này:

- Quy tắc bảo hiểm vật chất xe ô tô
- Quy tắc bảo hiểm kết hợp tự nguyện xe ô tô
- Các điều khoản bổ sung
- Biểu phí bảo hiểm tự nguyện xe ô tô

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2019 và thay thế Quyết định số 0998/QĐ-PHH ngày 23/04/2015 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV và các quyết định khác liên quan đã ban hành trước đây.



Điều 3. Chánh văn phòng, Giám đốc các Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc các Công ty trực thuộc, các cán bộ nhân viên của Tổng Công ty và các bên có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Lưu VP, Ban PHH.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Huỳnh Quốc Việt

QUY TẮC BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE Ô TÔ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2818/QĐ-PHH ngày 18/12/2018 của

Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV)

PHẦN I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong quy tắc này, các thuật ngữ được hiểu như sau:

1. “Doanh nghiệp bảo hiểm”: Là Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV, các Công ty bảo hiểm BIDV thành viên của BIC, sau đây gọi tắt là BIC.
2. “Chủ xe”: là tổ chức, cá nhân sở hữu xe ô tô hoặc được chủ sở hữu xe ô tô giao chiếm hữu, sử dụng hợp pháp, điều khiển xe ô tô hoặc là chủ sở hữu thực tế chưa làm thủ tục đăng ký theo quy định nhưng có Hợp đồng mua bán xe ô tô.
3. Người được bảo hiểm: là Chủ xe có xe ô tô được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm vật chất xe ô tô và có tên trên Giấy chứng nhận/Hợp đồng bảo hiểm.
4. Người thụ hưởng được quy định trong hợp đồng bảo hiểm (nếu có).
5. “Xe ô tô”: là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ theo quy định hiện hành có từ 4 bánh trở lên, bao gồm xe ô tô con, xe bán tải, xe tải, xe chuyên dùng, xe khách, xe buýt, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô đầu kéo.... Không bao gồm xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe đạp điện, xe máy điện và các loại xe tương tự.
6. “Giá thị trường” là giá mua bán trung bình của chiếc xe ô tô tương tự cùng năm sản xuất, cùng hãng sản xuất (maker), cùng mẫu xe (model), cùng mục đích sử dụng được chào bán trên thị trường ngay tại thời điểm xác định giá thị trường của xe.
7. “Thời gian sử dụng xe ô tô” là khoảng thời gian tính từ tháng đăng ký lần đầu tại Việt Nam đến tháng giao kết Hợp đồng bảo hiểm. Đối với xe ô tô nhập khẩu đã qua sử dụng ở nước ngoài, thì thời gian sử dụng từ tháng một của năm sản xuất đến tháng xác định thời gian sử dụng xe.
8. “Phí bảo hiểm”: là khoản tiền mà Chủ xe phải đóng cho BIC theo thời hạn và phương thức thanh toán do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm.

PHẦN II. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm vật chất xe ô tô là sự thoả thuận giữa Chủ xe và BIC, theo đó Chủ xe phải đóng phí bảo hiểm, BIC phải bồi thường cho Chủ xe khi xảy ra sự kiện bảo hiểm trong thời hạn bảo hiểm.

Hợp đồng bảo hiểm phải được lập thành văn bản, bao gồm:

- 1.1. Quy tắc bảo hiểm vật chất xe ô tô có hiệu lực của BIC tại thời điểm giao kết hợp đồng bao gồm các điều khoản quy định quyền lợi, trách nhiệm của Chủ xe và BIC và các điều khoản bổ sung (nếu có).

- 1.2. Giấy yêu cầu bảo hiểm (theo mẫu BIC): Chủ xe phải kê khai đầy đủ và chịu trách nhiệm về tính trung thực những nội dung trong giấy yêu cầu bảo hiểm.
- 1.3. Giấy yêu cầu bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm (nếu có): là bằng chứng của việc giao kết Hợp đồng bảo hiểm và được điều chỉnh theo Quy tắc này.
- 1.4. Phụ lục sửa đổi bổ sung Hợp đồng bảo hiểm: là một bộ phận của Hợp đồng bảo hiểm, được lập thành văn bản để sửa đổi, bổ sung các điều kiện điều khoản trong Hợp đồng bảo hiểm.
- 1.5. Các thỏa thuận khác nếu có được lập thành văn bản giữa Chủ xe và BIC.

Điều 2. Thời hạn bảo hiểm và thanh toán phí bảo hiểm

- 2.1. Thời hạn bảo hiểm bắt đầu và kết thúc được ghi trên Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- 2.2. Trách nhiệm bảo hiểm phát sinh khi Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và Chủ xe đã đóng đầy đủ phí bảo hiểm cho BIC, trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản.
- 2.3. Chủ xe (hoặc người thay mặt Chủ xe yêu cầu bảo hiểm) cần thanh toán đủ phí bảo hiểm trước hoặc đúng ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm hoặc thanh toán phí trước hoặc đúng thời hạn ấn định thanh toán phí theo thỏa thuận để đảm bảo quyền lợi của mình.
- 2.4. Trong thời gian còn hiệu lực bảo hiểm ghi trên Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm, nếu có sự chuyển quyền sở hữu xe ô tô được bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên có hiệu lực đối với Chủ xe mới trừ trường hợp Chủ xe cũ yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 3. Chấm dứt hợp đồng bảo hiểm

- 3.1. Trường hợp bên mua bảo hiểm không thanh toán phí bảo hiểm hoặc không thanh toán đủ phí theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm đã thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm giao kết ban đầu và BIC không có thỏa thuận cho Chủ xe nợ phí theo quy định pháp luật, Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực trước thời hạn, BIC sẽ phải hoàn lại cho Chủ xe phần phí bảo hiểm đã thanh toán thừa (nếu có) hoặc yêu cầu Chủ xe thanh toán đủ phí bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm. BIC không có trách nhiệm hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm.
- 3.2. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm:
 - Trong thời hạn bảo hiểm, một trong hai bên có quyền đơn phương yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên kia.
 - Trường hợp Chủ xe yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước hạn phải thông báo bằng văn bản kèm theo Giấy chứng nhận bảo hiểm cho BIC trước 15 ngày kể từ ngày đề nghị chấm dứt. Nếu hợp đồng được hai bên thỏa thuận chấm dứt thì trong vòng 15 ngày, BIC sẽ hoàn lại cho Chủ xe 70% phí bảo hiểm tương ứng với

thời gian còn lại. BIC không có trách nhiệm hoàn phí bảo hiểm trường hợp trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực đã xảy ra sự kiện bảo hiểm và phát sinh trách nhiệm bồi thường bảo hiểm.

- Trường hợp BIC yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm, BIC phải thông báo bằng văn bản cho Chủ xe trước 15 ngày và hoàn lại phí bảo hiểm cho Chủ xe tương ứng với thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của BIC

4.1. BIC có quyền:

- 4.1.1 Thu phí bảo hiểm theo thoả thuận trong Hợp đồng bảo hiểm.
- 4.1.2 Yêu cầu Chủ xe cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến việc giao kết và thực hiện Hợp đồng bảo hiểm.
- 4.1.3 Từ chối bồi thường cho Chủ xe hoặc Người thụ hưởng bảo hiểm trong trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm hoặc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.
- 4.1.4 Yêu cầu Chủ xe áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của pháp luật.
- 4.1.5 Yêu cầu người thứ ba bồi hoàn số tiền bảo hiểm mà BIC đã bồi thường cho Chủ xe hoặc Người thụ hưởng bảo hiểm do người thứ ba gây ra đối với chiếc xe ô tô được bảo hiểm.
- 4.1.6 Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4.2. BIC có nghĩa vụ:

- 4.2.1 Giải thích cho Chủ xe về điều kiện, điều khoản bảo hiểm; quyền và nghĩa vụ của Chủ xe khi tham gia bảo hiểm.
- 4.2.2 Cấp cho Chủ xe Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm sau khi giao kết Hợp đồng bảo hiểm.
- 4.2.3 Trả tiền bồi thường bảo hiểm trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ; không quá 30 ngày trong trường hợp BIC phải tiến hành xác minh hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ bồi thường cần xác minh mà BIC không đủ thẩm quyền để thực hiện thì hồ sơ bồi thường được coi là đầy đủ và hợp lệ sau khi có kết luận chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Sau 90 ngày kể từ ngày BIC có văn bản đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xác minh mà chưa có kết quả xác minh thì BIC phải chủ động tiến hành xác minh, xem xét giải quyết bồi thường trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập được.
- 4.2.4 Trường hợp từ chối bồi thường, BIC có trách nhiệm giải thích bằng văn bản lý do từ chối bồi thường trong thời hạn như nêu tại điểm 4.2.3 Điều này.
- 4.2.5 Đối với những vụ tổn thất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, khi có yêu cầu của Chủ xe, BIC sẽ phối hợp giải quyết ngay và khi đã xác định trách nhiệm

thuộc phạm vi bảo hiểm có thể tạm ứng một phần những chi phí cần thiết nhằm khắc phục hậu quả tổn thất.

- 4.2.6 Hướng dẫn Chủ xe, Người thụ hưởng bảo hiểm thu thập tài liệu để lập hồ sơ bồi thường theo quy định tại Điều 7 quy tắc này.
- 4.2.7 Đánh giá lại rủi ro và định phí bảo hiểm trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thay đổi các yếu tố liên quan đến rủi ro của xe ô tô được bảo hiểm và có trách nhiệm hoàn phí hoặc thu thêm phí theo tỷ lệ tương ứng với thời hạn còn lại của Hợp đồng bảo hiểm.
- 4.2.8 Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ xe

5.1. Chủ xe có quyền:

- 5.1.1 Yêu cầu BIC giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Hợp đồng bảo hiểm.
- 5.1.2 Yêu cầu BIC bồi thường theo thoả thuận trong Hợp đồng bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.
- 5.1.3 Chuyển nhượng Hợp đồng bảo hiểm theo thoả thuận trong Hợp đồng bảo hiểm hoặc theo quy định của pháp luật.
- 5.1.4 Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

5.2. Chủ xe có nghĩa vụ:

- 5.2.1 Đóng phí bảo hiểm đầy đủ, theo thời hạn và phương thức đã thoả thuận trong Hợp đồng bảo hiểm.
 - 5.2.2 Khi yêu cầu bảo hiểm phải kê khai đầy đủ, trung thực những nội dung trong Giấy yêu cầu bảo hiểm theo mẫu của BIC.
 - 5.2.3 Tạo điều kiện thuận lợi để BIC xem xét tình trạng xe ô tô trước khi cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.
 - 5.2.4 Trong thời hạn bảo hiểm, trường hợp thay đổi mức độ rủi ro được bảo hiểm dẫn đến những yếu tố làm thay đổi cơ sở tính phí bảo hiểm, Chủ xe phải thông báo cho BIC trong vòng 15 ngày kể từ ngày có sự thay đổi đó (ví dụ: thay đổi mục đích sử dụng, kết cấu xe, phạm vi hoạt động...).
- Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến giảm các rủi ro được bảo hiểm thì Chủ xe có quyền yêu cầu BIC giảm phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm. Trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu giảm phí của Chủ xe, BIC phải có văn bản trả lời Chủ xe về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc giảm phí bảo hiểm. Trong trường hợp BIC không chấp thuận giảm phí bảo hiểm thì Chủ xe có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng bảo hiểm.
 - Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm thì BIC có quyền tính lại phí bảo hiểm cho thời gian còn lại

của Hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp Chủ xe không chấp nhận tăng phí bảo hiểm thì BIC có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng bảo hiểm.

5.2.5 Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.

5.2.6 Khi xảy ra tổn thất, Chủ xe phải có trách nhiệm:

- Thông báo ngay cho BIC để phối hợp giải quyết, tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tổn thất; đồng thời thông báo cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất (trừ trường hợp bất khả kháng).
- Không được di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của BIC; trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng), Chủ xe phải thông báo tổn thất bằng văn bản cho BIC.

5.2.7 Trung thực cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ liên quan đến hồ sơ bồi thường và tạo điều kiện thuận lợi cho BIC trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.

5.2.8 Trường hợp tổn thất xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của Người thứ ba, Chủ xe phải thực hiện đúng theo các hướng dẫn của BIC để bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho BIC kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, chứng từ, tài liệu cần thiết và hợp tác chặt chẽ với BIC để đòi lại người thứ ba trong phạm vi số tiền đã hoặc sẽ được BIC bồi thường.

Trường hợp người thứ ba đã bồi thường cho Chủ xe số tiền thấp hơn số tiền bồi thường theo tính toán của BIC, thì BIC sẽ thanh toán phần chênh lệch giữa số tiền bồi thường và số tiền Chủ xe đã nhận được từ người thứ ba. Trường hợp người thứ ba đã bồi thường bằng hoặc lớn hơn số tiền bồi thường theo tính toán của BIC, thì BIC sẽ không phải bồi thường cho Chủ xe.

5.2.9 Đối với các thiệt hại dẫn đến phải thay thế và được BIC chấp thuận bồi thường, Chủ xe sau khi thực hiện xong công việc thay thế phải có trách nhiệm bàn giao tài sản đã được thay thế cho BIC.

5.2.10 Khi xe ô tô bị trộm cắp, bị cướp toàn bộ, Chủ xe phải thông báo ngay cho cơ quan công an và BIC được biết để xử lý và thực hiện các công việc theo hướng dẫn của cơ quan công an và BIC.

5.2.11 Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Giám định tổn thất

6.1. Khi xảy ra tổn thất, BIC hoặc người được BIC ủy quyền thực hiện việc giám định tổn thất về tài sản với sự có mặt của Chủ xe/người điều khiển xe ô tô (hoặc người đại diện được Chủ xe ủy quyền), các bên có liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của các bên có liên quan nhằm xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất.

- Kết quả giám định phải lập thành văn bản có chữ ký của các bên liên quan. BIC chịu trách nhiệm về chi phí giám định.
- 6.2. Trường hợp các bên không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại, có thể thỏa thuận trung cầu giám định viên độc lập trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong Hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được việc trung cầu giám định viên độc lập thì một trong các bên được yêu cầu Tòa án nơi xảy ra tổn thất hoặc nơi cư trú của Chủ xe chỉ định giám định độc lập. Kết luận của giám định viên độc lập có giá trị bắt buộc đối với các bên.
 - 6.3. Trường hợp kết luận của giám định viên độc lập khác với kết luận giám định của BIC, BIC phải thanh toán chi phí giám định độc lập. Trường hợp kết luận của giám định viên độc lập trùng với kết luận giám định của BIC, Chủ xe phải thanh toán chi phí giám định độc lập.
 - 6.4. Đối với những tổn thất ước tính thiệt hại từ 10 (mười) triệu đồng trở xuống mà không có Cơ quan chức năng lập biên bản vụ việc thì Chủ xe phải cung cấp đầy đủ thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến vụ tai nạn, mức độ thiệt hại cùng các tài liệu liên quan làm căn cứ xác định bồi thường.

Điều 7. Hồ sơ bồi thường

Đối với từng vụ việc cụ thể thì Hồ sơ bồi thường bao gồm một hoặc nhiều loại tài liệu sau:

- 7.1. Tài liệu do Chủ xe cung cấp:
 - 7.1.1 Thông báo tổn thất và yêu cầu bồi thường của Chủ xe (theo mẫu của BIC).
 - 7.1.2 Tài liệu liên quan đến xe ô tô, người điều khiển xe ô tô (bản sao có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản photocopy có xác nhận của nhân viên BIC sau khi đã đối chiếu với bản chính) bao gồm:
 - Giấy chứng nhận bảo hiểm và/hoặc Hợp đồng bảo hiểm và các thỏa thuận khác bằng văn bản (nếu có).
 - Giấy đăng ký xe ô tô, Giấy phép lái xe ô tô hợp lệ của người điều khiển xe ô tô bị tổn thất.
 - Các giấy tờ liên quan đến mua bán, chuyển nhượng, cho, tặng, uỷ quyền sử dụng xe ô tô (nếu có).
 - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ (trừ trường hợp xe ô tô lưu hành tạm thời có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc hoạt động trong thời gian thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm định lần đầu tiên tại Việt Nam).
 - 7.1.3 Tài liệu chứng minh thiệt hại về tài sản, bao gồm:
 - Hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại.
 - Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà Chủ xe đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của BIC.
 - 7.1.4 Các tài liệu cần thiết để chuyển quyền cho BIC đòi bồi thường từ bên gây thiệt hại cho xe ô tô được bảo hiểm mà Chủ xe đã được BIC giải quyết bồi thường thiệt hại này (trong trường hợp đòi người thứ ba).

7.2. Tài liệu do BIC phối hợp với Chủ xe để thu thập (hoặc hướng dẫn chủ xe thu thập):

7.2.1 Ảnh chụp chứng minh tổn thất.

7.2.2 Biên bản giám định thiệt hại được các bên thống nhất.

7.2.3 Bản sao có xác nhận của cơ quan chức năng trong trường hợp tai nạn có sự tham gia giải quyết của cơ quan công an/tòa án, bao gồm:

- Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn.
- Sơ đồ hiện trường tai nạn.
- Ảnh chụp hiện trường tai nạn (nếu có).
- Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn.
- Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn (nếu có).
- Biên bản giải quyết tai nạn.
- Bản kết luận điều tra tai nạn (nếu có).
- Biên bản thỏa thuận/hòa giải (trong trường hợp hòa giải).
- Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực của Tòa án (nếu có).

7.2.4 Trường hợp xe ô tô bị trộm cắp, bị cướp toàn bộ:

- Đơn trình báo xe bị trộm cắp, bị cướp với cơ quan công an có xác nhận của cơ quan công an.
- Quyết định khởi tố và điều tra hình sự (nếu có) liên quan đến mất trộm, mất cướp xe ô tô được bảo hiểm.
- Quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ khởi tố vụ án hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp xe ô tô được bảo hiểm (nếu có).
- Khai báo bị mất giấy tờ, tài liệu liên quan đến xe bị trộm cắp, bị cướp khi để trên xe có xác nhận của cơ quan công an (nếu có).

7.2.5 Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba (nếu có).

7.2.6 Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Điều 8. Bảo hiểm trùng

Bảo hiểm trùng là trường hợp một xe ô tô được bảo hiểm cùng phạm vi, điều kiện và điều khoản bảo hiểm tại hai doanh nghiệp bảo hiểm trở lên. Tổng số tiền bồi thường của các doanh nghiệp bảo hiểm không vượt quá giá trị thiệt hại thực tế của xe ô tô.

BIC chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm mà Chủ xe đã giao kết.

Điều 9. Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện

9.1. Thời hạn yêu cầu bồi thường là 01 năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu bồi thường.

9.2. Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của BIC là 90 ngày kể từ ngày Chủ xe nhận được thông báo bồi thường của BIC. Quá thời hạn nêu trên, BIC sẽ không giải quyết khiếu nại, trừ trường hợp bất khả kháng.

- 9.3. Thời hiệu khởi kiện về Hợp đồng bảo hiểm là 03 năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp từ Hợp đồng bảo hiểm.
- 9.4. Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng bảo hiểm, nếu BIC và Chủ xe không giải quyết được bằng thương lượng sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết.

PHẦN III. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 10. Phạm vi bảo hiểm

- 10.1. BIC chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ xe những thiệt hại vật chất do thiên tai, tai nạn bất ngờ, không lường trước được trong những trường hợp sau:
- Đâm, va (bao gồm cả va chạm với vật thể khác), lật, đổ, chìm, rơi toàn bộ xe ô tô, bị các vật thể khác rơi vào, hành động ác ý không phải của Chủ xe.
 - Hỏa hoạn, cháy, nổ.
 - Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên gây ra.
 - Mất toàn bộ xe ô tô do trộm, cướp.
- 10.2. Ngoài ra, BIC còn thanh toán những chi phí cần thiết và hợp lý phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm để thực hiện các công việc theo yêu cầu và chỉ dẫn của BIC khi xảy ra tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm, bao gồm các chi phí:
- Chi phí ngăn ngừa hạn chế tổn thất phát sinh thêm.
 - Chi phí cứu hộ và vận chuyển xe ô tô bị thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất tối đa không vượt quá 10% số tiền bảo hiểm.
 - Chi phí giám định.

Điều 11: Loại trừ bảo hiểm

BIC không chịu trách nhiệm bồi thường bảo hiểm trong các trường hợp sau:

- 11.1. Hành động cố ý gây thiệt hại của Chủ xe, người điều khiển xe ô tô, những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, chiếm hữu, khai thác, sử dụng xe ô tô, thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm.
- 11.2. Xe ô tô không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ theo quy định của pháp luật hiện hành trừ trường hợp có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật bằng văn bản giữa Chủ xe và BIC.
- 11.3. Người điều khiển xe ô tô không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe ô tô bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Trường hợp người điều khiển xe ô tô bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe ô tô có thời hạn hoặc không thời hạn, hoặc bị tạm giữ Giấy phép lái xe ô tô mà quá lịch hẹn của cơ quan công an nhưng lái xe không đến giải quyết thì được coi là không có Giấy phép lái xe ô tô.
- 11.4. Người điều khiển xe ô tô trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở vượt quá nồng độ cho phép, sử dụng ma túy, chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật.

- 11.5. Xe ô tô đi vào đường cấm, khu vực cấm, đường ngược chiều, rẽ, quay đầu tại nơi bị cấm, vượt đèn đỏ hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, xe ô tô đi đêm không có thiết bị chiếu sáng theo quy định. Xe ô tô dừng, đỗ, lùi trái quy định trên cầu hoặc trên đường cao tốc (trừ trường hợp bất khả kháng).
- 11.6. Đua xe ô tô (hợp pháp hoặc trái phép); xe ô tô được bảo hiểm dùng để kéo xe ô tô khác không tuân thủ quy định của pháp luật.
- 11.7. Xe ô tô chở hàng trái phép theo quy định của pháp luật.
- 11.8. Tồn thất xảy ra ngoài lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam.
- 11.9. Tồn thất xảy ra trong những trường hợp: Chiến tranh, khủng bố.
- 11.10. Tồn thất do hao mòn tự nhiên hoặc do bản chất vốn có của tài sản, giảm giá trị thương mại, hỏng hóc do khuyết tật hoặc hỏng hóc thêm do sửa chữa, trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng (bao gồm cả chạy thử).
- 11.11. Tồn thất của động cơ khi xe ô tô hoạt động trong khu vực bị ngập nước.
- 11.12. Tồn thất đối với sầm lốp, bạt thùng xe ô tô, nhãn mác trừ trường hợp tồn thất xảy ra do cùng một nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe ô tô trong cùng một vụ tai nạn.
- 11.13. Mất bộ phận của xe ô tô do bị trộm cắp hoặc bị cướp.
- 11.14. Mất toàn bộ xe ô tô trong trường hợp lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe ô tô (xe ô tô cho thuê hoặc xe ô tô cho mượn hoặc siết nợ hoặc tranh chấp).
- 11.15. Thiệt hại xảy ra đối với máy móc, dụng cụ điện hay các bộ phận của thiết bị điện do chạy quá tải, quá áp lực, đoản mạch, tự đốt nóng, hồ quang điện hay rò điện do bất kỳ nguyên nhân nào.
- 11.16. Xe ô tô chở quá tải trọng, cầu quá tải trọng hoặc chở quá số lượng người trên 50% (không bao gồm trẻ em dưới 07 tuổi) theo quy định trên giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (đối với xe ô tô chở hàng căn cứ vào tải trọng, xe ô tô chở người căn cứ vào số người chở trên xe ô tô, đối với xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng căn cứ vào tải trọng hoặc số người chở trên xe).
- 11.17. Chủ xe/Người điều khiển xe ô tô vi phạm vượt quá tốc độ cho phép trên 50%.
- 11.18. Tồn thất các thiết bị lắp thêm trên xe ô tô ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp (không bao gồm các thiết bị mang tính chất bảo vệ cho xe ô tô: hệ thống báo động, cản trước, cản sau).

Điều 12. Số tiền bảo hiểm, giá trị khai báo, giá thị trường

- 12.1. Số tiền bảo hiểm là số tiền mà Chủ xe yêu cầu BIC bảo hiểm cho xe ô tô của mình và được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm và không lớn hơn giá thị trường của xe ô tô.
- 12.2. Giá trị khai báo là giá trị xe ô tô mà Chủ xe kê khai trên Giấy yêu cầu bảo hiểm và được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp giá trị khai báo thấp hơn hoặc cao hơn giá thị trường thì giá thị trường sẽ là cơ sở để BIC giải quyết bồi thường.

- 12.3. Chủ xe có thể thỏa thuận với BIC tham gia bảo hiểm với số tiền bảo hiểm bằng hoặc thấp hơn giá thị trường của xe ô tô.
- 12.4. BIC xác định giá trị của xe ô tô tham gia bảo hiểm như sau:
- Đối với xe ô tô mới (100%), giá trị của xe ô tô là giá bán xe do các hãng sản xuất trong nước công bố tại thị trường Việt Nam, hoặc giá xe ô tô nhập khẩu đã bao gồm tất cả các loại thuế theo quy định của Nhà nước.
 - Đối với xe ô tô đã qua sử dụng, giá trị của xe ô tô là giá xe ô tô mua bán trên thị trường của xe ô tô cùng chủng loại (cùng hãng sản xuất, mẫu xe, dung tích xi lanh, năm sản xuất).

Điều 13. Giải quyết quyền lợi bảo hiểm

13.1. Bồi thường tổn thất bộ phận:

BIC chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế hợp lý để sửa chữa, thay thế (trường hợp không thể sửa chữa được) bộ phận hoặc trả bằng tiền cho Chủ xe để bù đắp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí hợp lý để sửa chữa, khắc phục tổn thất có thể phải trả sau khi áp dụng các điều kiện, điều khoản bảo hiểm bao gồm cả mức khấu trừ (nếu có).

Cách xác định số tiền bồi thường:

- Trường hợp xe ô tô được bảo hiểm dưới giá trị, số tiền bồi thường sẽ được tính theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá thị trường của xe ô tô tại thời điểm giao kết hợp đồng. Trường hợp xe ô tô được bảo hiểm bằng hoặc trên giá trị, số tiền bồi thường bằng chi phí hợp lý để phục hồi, sửa chữa xe ô tô bị tổn thất. Cách xác định chi phí hợp lý cho bộ phận hư hỏng phải thay thế mới được tính bằng chi phí thay thế thực tế trừ đi số tiền khấu hao (trừ trường hợp có thỏa thuận bảo hiểm bổ sung bồi thường không áp dụng khấu hao thay mới), cụ thể như sau:
 - Xe ô tô sử dụng dưới 3 năm: khấu hao 0%
 - Xe ô tô sử dụng từ 3 năm đến dưới 6 năm: khấu hao 15% giá trị bộ phận thay mới.
 - Xe ô tô sử dụng từ 6 năm đến dưới 10 năm: khấu hao 25% giá trị bộ phận thay mới.
 - Xe ô tô sử dụng từ 10 năm đến dưới 15 năm: khấu hao 35% giá trị bộ phận thay mới.
 - Xe ô tô sử dụng từ 15 năm trở lên: khấu hao 50% giá trị bộ phận thay mới.
- BIC bồi thường chi phí sơn lại toàn bộ xe ô tô nếu trên 50% diện tích sơn của xe ô tô bị hư hỏng do tổn thất và theo nguyên tắc xác định số tiền bồi thường nêu trên.

13.2. Bồi thường tổn thất toàn bộ

- BIC bồi thường tổn thất toàn bộ trong trường hợp xe ô tô bị thiệt hại trên 75% giá thị trường; hoặc chi phí sửa chữa thiệt hại bằng hoặc trên 75% giá thị trường của xe ô tô tại thời điểm xảy ra tổn thất.

- BIC có trách nhiệm bồi thường tổn thất toàn bộ xe ô tô bị trộm cắp, bị cướp khi có kết luận của cơ quan công an đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ khởi tố hình sự liên quan đến mất trộm, bị cướp của chính chiếc xe ô tô đó.
- Số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ bằng giá thị trường của xe ô tô tại thời điểm xảy ra tổn thất cùng chủng loại và thông số kỹ thuật và không vượt quá số tiền ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Hợp đồng bảo hiểm.

13.3. Thu hồi tài sản sau bồi thường

Khi BIC đã bồi thường tổn thất bộ phận hoặc toàn bộ xe ô tô theo hình thức thay thế bằng tài sản hoặc trả tiền bồi thường thì bộ phận hư hỏng hoặc toàn bộ xe ô tô đó thuộc quyền sở hữu của BIC, cụ thể:

- Đối với trường hợp bồi thường thay mới bộ phận, BIC sẽ thu hồi bộ phận hư hỏng đã được trả tiền bồi thường thay mới (kể cả trường hợp trừ khấu hao).
- Đối với trường hợp bồi thường tổn thất toàn bộ, sau khi BIC đã bồi thường toàn bộ xe ô tô thì toàn bộ giá trị thu hồi chiếc xe ô tô bị tổn thất thuộc sở hữu của BIC. Trường hợp tham gia bảo hiểm dưới giá trị thì BIC thu hồi phần giá trị tương đương theo tỷ lệ tham gia bảo hiểm. Trường hợp Chủ xe có yêu cầu nhận lại chiếc xe ô tô bị tổn thất toàn bộ, BIC sẽ giảm số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ tương đương giá trị thu hồi chiếc xe ô tô bị tổn thất theo định giá của BIC.
- Đối với trường hợp bồi thường xe ô tô bị trộm cắp, bị cướp sau đó tìm được xe ô tô bị trộm cắp, bị cướp thì BIC được quyền sở hữu toàn bộ chiếc xe ô tô đó.

Điều 14. Mức khấu trừ

Mức khấu trừ là số tiền được quy định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm mà Chủ xe phải tự gánh chịu trong mỗi và mọi vụ tổn thất bộ phận của xe ô tô tham gia bảo hiểm vật chất xe ô tô tại BIC.

BIC áp dụng mức khấu trừ tối thiểu là 500.000 đồng/vụ.

BIC không bồi thường các mức khấu trừ được quy định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm đối với mỗi tổn thất sau khi đã áp dụng tất cả các điều kiện, điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 15. Giảm trừ bồi thường

15.1. BIC thực hiện giảm trừ bồi thường theo tỷ lệ trong một số trường hợp sau đây:

15.1.1 Giảm 10% đến 20% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:

- Chủ xe không Thông báo tổn thất cho BIC bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng).
- Chủ xe không thực hiện đầy đủ các biện pháp cứu chữa, hạn chế thiệt hại về tài sản, không bảo vệ hiện trường tổn thất, không thông báo ngay cho cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất; không thông báo ngay cho BIC (trừ trường hợp bất khả kháng).

15.1.2 Giảm 30% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:

- Chủ xe tự ý di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của BIC (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế

thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền).

- Chủ xe/Người điều khiển xe ô tô vi phạm vượt quá tốc độ cho phép từ 20% đến 50%.

15.1.3 Giảm 50% đến 70% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:

- Không tạo điều kiện thuận lợi cho BIC trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ, hồ sơ yêu cầu bồi thường.
- Không hợp tác trong quá trình phối hợp giải quyết bồi thường.

15.1.4 Giảm 50% đến 100% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:

- Chủ xe không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi người thứ ba cho BIC kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ tài liệu cần thiết, không hợp tác chặt chẽ với BIC để đòi lại người thứ ba hoặc tự động thỏa thuận bồi thường với người thứ ba gây thiệt hại cho BIC.
- Chủ xe thiếu trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường.

15.1.5 Giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ % chở quá tải trọng, cầu quá tải trọng, chở quá số người (từ trên 20% đến 50%) theo quy định trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

15.1.6 Số tiền bồi thường theo tỷ lệ giữa số phí thực nộp và số phí phải nộp theo quy định trong trường hợp:

- Chủ xe kê khai giấy yêu cầu bảo hiểm sai (không đúng mục đích sử dụng của xe ô tô) làm thu thiếu phí bảo hiểm so với quy định
- Chủ xe không thông báo cho BIC trong trường hợp có sự gia tăng mức độ rủi ro bảo hiểm để bổ sung phí bảo hiểm (như chuyển đổi mục đích sử dụng, hoán cải, nâng cấp làm tăng giá trị xe ô tô).

15.2. Nguyên tắc giảm trừ số tiền bồi thường

Khi chủ xe bị giảm trừ số tiền bồi thường theo nhiều tỷ lệ khác nhau cho các hành vi vi phạm khác nhau, BIC sẽ lựa chọn áp dụng duy nhất một loại giảm trừ số tiền bồi thường theo tỷ lệ cao nhất.